

Số: 07/TB-THHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 18 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai Chất lượng giáo dục; Ngân sách; Quy chế và Nghị quyết phiên họp thứ 3 Hội đồng trường năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 “Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT- BGDĐT ngày 04/09/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1355/PGD&ĐT ngày 25/08/2023 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kế hoạch số 51/KH-THHTĐ ngày 29/08/2023 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ kế hoạch số 64/KH-THHTĐ ngày 16/09/2023 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Căn cứ kế hoạch số 46/KH-THHTĐ ngày 28/8/2023 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc thực hiện công khai năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-THHTĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông về việc công khai Dự toán ngân sách năm 2024; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quy chế sử dụng Tài sản công năm 2024; Chất lượng giáo dục Học kì 1; Nghị quyết hội đồng tại phiên họp thứ ba của Hội đồng trường năm 2023-2024 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông;

I. Trường Tiểu học Hồng Thái Đông thông báo công khai Dự toán ngân sách năm 2024; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quy chế sử dụng Tài sản công năm 2024; Chất lượng giáo dục Học kì 1; Nghị quyết hội đồng tại phiên

họp thứ ba của Hội đồng trường năm 2023-2024 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông cụ thể như sau:

1. Dự toán ngân sách năm 2024;
2. Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024;
3. Quy chế sử dụng Tài sản công năm 2024;
4. Chất lượng giáo dục Học kì 1 năm học 2023-2024;
5. Nghị quyết hội đồng tại phiên họp thứ ba của Hội đồng trường năm 2023-2024;

II. Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 18/02/2024)

III. Địa điểm công khai: Bảng thông báo, trang web của nhà trường.

Trên đây là Thông báo công khai Dự toán ngân sách năm 2024; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quy chế sử dụng Tài sản công năm 2024; Chất lượng giáo dục Học kì 1; Nghị quyết hội đồng tại phiên họp thứ hai của Hội đồng trường năm 2023-2024 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông.

Nơi nhận:

- CBGV-NV(n/b);
- Lưu: HSCK.

HIỆU TRƯỞNG



Đương Thị Thúy Hằng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường TH Hồng Thái Đông
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ- THHTĐ ngày /01/2024 của Trường TH Hồng Thái Đông)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9,115.878
I	Nguồn ngân sách trong nước	9,115.878
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9,115.878

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8,966.118
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	149.760
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Dương Thị Thúy Hằng

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG THÁI ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, Cuối HKI năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	900	176	158	175	208	183
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	900	176	158	175	208	183
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Năng lực						
	a. Tự phục vụ	183					183
	Chia ra: - Tốt	120					120
	- Đạt	63					63
	- Cần cố gắng	0					0
	b. Hợp tác	183					183
	Chia ra: - Tốt	111					111
	- Đạt	72					72
	- Cần cố gắng	0					0
	c. Tự học giải quyết vấn đề	183					183
	Chia ra: - Tốt	110					110
	- Đạt	73					73
	- Cần cố gắng	0					0
2	Phẩm chất						
	a. Chăm học chăm làm	183					183
	Chia ra: - Tốt	108					108
	- Đạt	75					75
	- Cần cố gắng	0					0
	b. Tự tin trách nhiệm	183					183
	Chia ra: - Tốt	110					110
	- Đạt	73					73
	- Cần cố gắng	0					0
	c. Trung thực kỷ luật	183					183
	Chia ra: - Tốt	119					119
	- Đạt	64					64
	- Cần cố gắng	0					0
	d. Đoàn kết yêu thương	183					183
	Chia ra: - Tốt	129					129



	- Đạt	54					54
	- Cần cố gắng	0					0
*	Về năng lực chung						
	1. Tự chủ và tự học	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	512	142	107	124	139	
	- Đạt	205	34	51	51	69	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	2. giao tiếp và Hợp tác	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	522	150	106	124	142	
	- Đạt	195	26	52	51	66	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	3. Giải quyết vấn đề và Hợp tác	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	517	150	106	123	138	
	- Đạt	200	26	52	52	70	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
*	Về năng lực đặc thù	0					
	1. Ngôn ngữ	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	513	141	107	126	139	
	- Đạt	204	35	51	49	69	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	2. Tính toán	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	520	146	109	125	140	
	- Đạt	197	30	49	50	68	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	3. Khoa học	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	518	150	106	122	140	
	- Đạt	199	26	52	53	68	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	4. Công nghệ	383			175	208	
	Chia ra: - Tốt	261			121	140	
	- Đạt	122			54	68	
	- Cần cố gắng	0			0	0	
	5. Tin học	383			175	208	
	Chia ra: - Tốt	261			121	140	
	- Đạt	122			54	68	
	- Cần cố gắng	0			0	0	
	6. Thẩm mĩ	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	518	148	106	122	142	
	- Đạt	195	28	52	53	62	

	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	7. Thể chất	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	515	150	106	121	138	
	- Đạt	202	26	52	54	70	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
*	Về phẩm chất chủ yếu						
	1. Yêu nước	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	542	158	115	131	138	
	- Đạt	175	18	43	44	70	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	2. Nhân ái	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	535	155	109	126	145	
	- Đạt	182	21	49	49	63	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	3. Chăm chỉ	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	517	146	106	123	142	
	- Đạt	200	30	52	52	66	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	4. Trung thực	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	537	161	107	124	145	
	- Đạt	180	15	51	51	63	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
	5. Trách nhiệm	717	176	158	175	208	
	Chia ra: - Tốt	523	150	105	124	144	
	- Đạt	194	26	53	51	64	
	- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
*	Xếp loại GD						
	Chia ra: - HTXS						
	- HTT						
	- HT						
	- CHT						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
	1. Tiếng Việt	900	176	158	175	208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	724	149	139	150	186	100
	- Hoàn thành	175	27	19	25	21	83
	- Chưa hoàn thành	1	0	0	0	1	0
	2. Toán	900	176	158	175	208	183

	Chia ra: - Hoàn thành tốt	752	166	150	147	192	97
	- Hoàn thành	148	10	8	28	16	86
	- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	3.Khoa học	391				208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	335	x	x	x	196	139
	- Hoàn thành	56	x	x	x	12	44
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x		
	4.Lịch sử & Địa lý	391				208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	267	x	x	x	191	76
	- Hoàn thành	124	x	x	x	17	107
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
	5. Ngoại ngữ	566			175	208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	399			152	166	81
	- Hoàn thành	167			23	42	102
	- Chưa hoàn thành	0			0	0	0
	6.Tiếng dân tộc						
	Chia ra: - Hoàn thành tốt						
	- Hoàn thành						
	- Chưa hoàn thành						
	7.Tin học	566	x	x	175	208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	456	x	x	158	187	111
	- Hoàn thành	110	x	x	17	21	72
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	0	0	0
	8.Đạo đức	900	176	158	175	208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	651	141	115	121	148	126
	- Hoàn thành	249	35	43	54	60	57
	- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	9.Tự nhiên và Xã hội	509	176	158	175	x	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	373	142	111	120	x	x
	- Hoàn thành	136	34	47	55	x	x
	- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	x	x
	10.Âm nhạc	900	176	158	175	208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	625	131	114	121	143	116
	- Hoàn thành	275	45	44	54	65	67
	- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	11.Mĩ thuật	900	176	158	175	208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	636	137	111	123	135	130
	- Hoàn thành	264	39	47	52	73	53

	- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	12. Kỹ thuật	183	x	x	x	x	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	130	x	x	x	x	130
	- Hoàn thành	53	x	x	x	x	53
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	x	0
	13. Hoạt động trải nghiệm	717	176	158	175	208	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	519	141	113	121	144	x
	- Hoàn thành	198	35	45	54	64	x
	- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	x
	14. Thể dục/GDTC	900	176	158	175	208	183
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	634	137	110	121	146	120
	- Hoàn thành	266	39	48	54	62	63
	- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	15. Công nghệ	383	x	x	175	208	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	349	x	x	152	197	x
	- Hoàn thành	34	x	x	23	11	x
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	0	0	x
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	x	x	x	x	x	x
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	x	x	x	x	x	x
	HS ở lại lớp	x	x	x	x	x	x
2	Khen thưởng						
a	Chia ra: - HS XS (HS XS trong học tập và rèn luyện)						
b	- HS Tiêu biểu (HS khen từng mặt)						

Hồng Thái Đông, ngày 15 tháng 01 năm 2024



Dương Thị Thuý Hằng